

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2025/DS-ST

Ngày: 25/9/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản,
đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Danh;
2. Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Tùng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh, Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2025/TLST – DS, ngày 11 tháng 8 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Hồng L, sinh năm: 1969, cư trú: Tổ A, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L:

1.1. Ông Nguyễn Phú V, sinh năm: 1981, cư trú: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2025); (có mặt)

1.2. Bà Võ Thị Mai P, sinh năm: 1995, cư trú: Tổ A, ấp F, xã T, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 08/9/2025) (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Minh N, sinh năm: 1971, cư trú: Ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1970, cư trú: Ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Bích T1, sinh năm: 1980, cư trú: Ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh.(vắng mặt)

3.2. Ông Trần Minh N1, sinh năm: 1978, cư trú: Ấp K, xã C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

3.3. Bà Nguyễn Thị H, cư trú: Ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

3.4. Bà Võ Thị Mai P, sinh năm: 1995, cư trú: Tổ A, ấp F, xã T, tỉnh Đồng Nai (có mặt)

3.5. Văn phòng C, địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Hồng L thông qua người đại diện ông Nguyễn Phú V, bà Võ Thị Mai P trình bày:

Khoảng tháng 9 năm 2024, ông L cho bà Nguyễn Ngọc T vay số tiền 400.000.000 VNĐ (Bốn trăm triệu đồng) và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông L đứng tên chủ sử dụng.

Đối với số tiền 400.000.000 đồng, bà T cam kết sẽ trả làm 02 đợt: Đợt 1: Trả 200.000.000 đồng vào ngày 25/2/2025. Đợt 2: Trả 200.000.000 đồng vào ngày 25/3/2025. Nhưng đến nay bà T chưa thực hiện cam kết.

Đối với bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013 nêu trên, ông N và bà T cam kết trả lại cho ông L sau 4 tháng kể từ ngày 01/12/2024 nhưng đến nay đã hơn 6 tháng ông N và bà T vẫn chưa thực hiện cam kết. Bà T, ông N sử dụng bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17 để vay tiền của bà Lê Thị Bích T1. Ngày 25/12/2023, vợ chồng ông L có lập hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2023 với bà Lê Thị Bích T1 tại Văn phòng C, quyền số 31/2023/TP CC- SCC-HĐGD. Bản chất hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2023 là việc ông N, bà T vay tiền, cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17 của ông L cho bà T1, do ông L cho bà T, ông N mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có lập tờ cam kết giấy tay ngày 23/3/2025. Ông L không biết bà T và ông N vay bao nhiêu tiền từ bà T1.

Tại đơn khởi kiện, ông L yêu cầu buộc ông N và bà T trả lại cho ông L 400.000.000 đồng và bản **chính** Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, đối với thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông L đứng tên chủ sử dụng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L thay đổi yêu cầu:

- Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả lại số tiền 400.000.000 đồng;
- Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2023 giữa bên ủy quyền Võ Hồng L, Nguyễn Thị H với bên được ủy quyền Lê Thị Bích T1;

- Buộc bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Minh N, Lê Thị Bích T1 liên đới trả Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông L khởi kiện yêu cầu bà trả lại số tiền 400.000.000 đồng thì bà T đồng ý trả cho ông L. Số tiền vay gồm hai phần vay là do con gái ông L cho bà T vay là 200.000.000 đồng và ông L cho bà T vay 300.000.000 đồng. Tổng cộng bà T vay là 500.000.000 đồng, bà T đã trả được 100.000.000 đồng, còn nợ lại 400.000.000 đồng. Ngày 28 tết, hai bên có lập giấy nợ lại. Bà T trả lãi cho ông L đối với khoản vay 400.000.000 đồng, chứ không trả lãi cho con gái ông L.

Bà T và ông N vay tiền của ông L nhưng ông L nói không có tiền, nên ông L cho ông N và bà T mượn Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất để vay tiền bà Lê Thị Bích T1 là 1.200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, bà T và ông N chưa trả lãi cho bà T1. Giữa bà T1 với vợ chồng ông L có đến phòng công chứng để ký hợp đồng ủy quyền cho bà T và ông N vay tiền. Bà T và ông N vay tiền của bà T1, sử dụng số tiền vay chứ vợ chồng ông L, bà T2 không có vay tiền cho bà T1.

Qua yêu cầu khởi kiện của ông L thì bà T đồng ý trả lại bản chính bản chứng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, đối với thửa đất số 17 tờ bản đồ số 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh cho ông L. Bà T và ông N sẽ liên đới trả lại cho bà T1 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi cho bà T1 để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17 về trả cho ông L.

Bị đơn ông Nguyễn Minh N trình bày:

Qua yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng L thì ông N đồng ý liên đới cùng bà T trả nợ, phần liên đới là 600.000.000 đồng trả lại cho bà T1 để lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông L. Ông N hẹn lại đến cuối tháng 01/2026 sẽ lấy lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả cho ông L, còn phần nợ 400.000.000 đồng mà bà T nợ ông L thì ông N không biết, không liên quan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích T1 trình bày:

Số tiền 1.200.000.000 đồng cho bà T và ông N vay là tài sản của bà T1 và ông N1, mỗi người là 600.000.000 đồng. Bà T1 và ông N1 hùn tiền lại và cho vay.

Bà Nguyễn Ngọc T trình bày liên quan đến giao dịch vay tiền giữa bà T, ông N với bà T1 là đúng. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng ủy quyền, bà T1, ông N1 đưa số tiền 1.200.000.000 đồng cho ông L. Tờ cam kết ngày 23/3/2025 được lập sau khi ký kết hợp đồng ủy quyền.

Bà T1, ông N1 yêu cầu vợ chồng ông L trả số tiền vay là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 3%/tháng, tiền lãi là 720.000.000 đồng, tính từ ngày 25/12/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Phía vay là bà T, ông N đã trả được lãi 01 tháng là 36.000.000 đồng. Việc vay tiền giữa bà T1, ông N1 và vợ chồng ông L có lập hợp

đồng uỷ quyền ngày 25/12/2023, việc giao tiền không có lập biên bản nhưng được bà T thừa nhận. Tuy nhiên, bà T1 không nộp đơn khởi kiện yêu cầu độc lập.

Sau khi trả dứt nợ gốc và lãi thì bà T1 đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh N1 thống nhất với ý kiến của bà T1, xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông L, xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng C có ý kiến: Việc công chứng hợp đồng uỷ quyền ngày 25/12/2023 tại Văn phòng C, số công chứng 30878, quyền số 31/2023/TP CC- SCC-HĐGD là đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ công chứng có lưu trữ. Đề nghị Toà án căn cứ vào quy định pháp luật giải quyết, xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Mai P trình bày: Bà P là con ruột ông L và bà H. Bà có cho bà T vay số tiền 200.000.000 đồng dưới hình thức chuyển khoản. Ông L cho bà T vay tiền mặt là 300.000.000 đồng, bà T trả cho ông L được 100.000.000 đồng. Số tiền bà T còn nợ ông L và bà P là 400.000.000 đồng. sau khi bà T và ông L viết lại giấy nợ thì số tiền này được nhập vô thành 400.000.000 đồng xác lập hợp đồng vay tài sản giữa bà T và ông L. Bà thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông L. Nếu Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, đề nghị Toà án tuyên bà T trả cho ông L số tiền 400.000.000 đồng.

Toà án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không tiến hành hòa giải được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà:

Đại diện theo uỷ quyền của ông L rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tuyên vô hiệu hợp đồng uỷ quyền và tuyên bà T1 liên đới cùng ông N, bà T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17. Ông L đề nghị bà T phải trả nợ 400.000.000 đồng trước ngày 31/12/2025. Ông L đồng ý để ông N, bà T trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tháng 02/2026. Hiện bà T1 là người đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17.

Bà T trình bày: Bà đồng ý trả số tiền 400.000.000 đồng cho ông L, thời điểm bắt đầu trả từ tháng 01/2026. Bà đồng ý trả cho ông L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17, cụ thể vào tháng 02/2026 bà có nguồn tài sản để trả nợ cho bà T1, lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 17 về trả cho ông L. Quá trình giải quyết vụ án, bà có khai là vay của bà Nguyễn Thị Hồng X, về sau khai là vay tiền của bà Lê Thị Bích T1 thì bà xác định hai người là một, vì khi gặp trực tiếp bà T1 tại Toà, bà mới biết người cho vay tên T1. Hiện bà T1 là người đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17.

Ông N trình bày: Ông đồng ý trả cho ông L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17, cụ thể vào tháng 02/2026 ông có nguồn tài sản để trả nợ cho bà T1, lấy bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa 17 về trả cho ông L. Quá trình giải

quyết vụ án, ông có khai là vay của bà Nguyễn Thị Hồng S, về sau khai là vay tiền của bà Lê Thị Bích T1 thì ông xác định hai người là một, vì tham gia giải quyết tại Tòa án, ông mới biết người cho vay tên T1. Hiện bà T1 là người đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan. Việc chấp hành pháp luật của các người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T trả số tiền 400.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuyên văn bản công chứng là vô hiệu và nơi cư trú các bị đơn ở xã C, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

[1.2] Văn phòng C, bà Lê Thị Bích T1, ông Trần Minh N1, bà Nguyễn Thị H xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, ông L thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ buộc bà T trả cho ông L số tiền 400.000.000 đồng, không yêu cầu ông N liên đới trả; tại phiên tòa, ông V rút yêu cầu khởi kiện tuyên vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2023 giữa bên ủy quyền Võ Hồng L, Nguyễn Thị H với bên được ủy quyền Lê Thị Bích T1; rút yêu cầu bà Lê Thị Bích T1 cùng liên đới bà Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Minh N, Lê Thị Bích T1 trả bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất; mà chỉ yêu cầu bà T, ông N trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BD 429235. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, việc rút đơn khởi kiện một phần là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đã rút của ông Võ Hồng L.

[1.4] Tại phiên tòa, ông L yêu cầu bà T trả số tiền lãi của số tiền 400.000.000

đồng. Yêu cầu này chưa được thụ lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.5] Bà T1, ông N1 yêu cầu vợ chồng ông L trả số tiền vay là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 3%/tháng, tiền lãi là 720.000.000 đồng, tính từ ngày 25/12/2023 đến khi xét xử sơ thẩm. Sau khi trả nợ gốc và lãi thì bà T1 đồng ý trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 17, nhưng bà T1, ông N1 không nộp đơn yêu cầu độc lập và nộp tạm ứng án phí nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Nội dung vụ án:

[2.1] Tình tiết không cần phải chứng minh của vụ án:

Bà T và ông L thống nhất bà T vay ông L số tiền gốc 400.000.000 đồng. Việc vay tiền không liên quan đến ông N. Bà T đồng ý trả tiền 400.000.000 đồng cho ông L, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là những tình tiết không cần chứng minh trong vụ án.

[2.2] Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ và sự thừa nhận của các đương sự nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Văn bản có tiêu đề “Giấy mượn tiền” ngày 27/01/2025 được xác lập giữa các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; chủ thể hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực giữa các bên. Bản chất sự việc là bà P cho bà T vay 200.000.000 đồng, ông L cho bà T vay 300.000.000 đồng, bà T đã trả nợ là 100.000.000 đồng. Sau đó, bà T và ông Lâm L1 lại giấy nợ, với số tiền vay là 400.000.000 đồng. Bà P thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của ông L. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định bà T nợ ông L 400.000.000 đồng, bà T vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà T có trách nhiệm trả ông L số tiền 400.000.000 đồng.

[3] Ông L yêu cầu bà T, ông N trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất.

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án: Bà T, ông N thống nhất trình bày ông bà muốn vay tiền của ông L, nhưng ông L không có tiền nên mới đưa Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất cho ông N, bà T đi vay tiền ở bà Lê Thị Bích T1. Ông N, bà T vay của bà T1 số tiền là 1.200.000.000 đồng. Ngày 25/12/2023, vợ chồng ông L có lập hợp đồng uỷ quyền ngày 25/12/2023 với bà Lê Thị Bích T1 tại Văn phòng C, quyền số 31/2023/TP CC-SCC-HĐGD.

[3.2] Hiện bà T1 là người giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bà T và ông N đồng ý trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Tuy nhiên, bà T, ông N không có giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông L rút yêu cầu buộc

bà T1 trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên để đảm bảo việc thi hành án, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà T, ông N trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc T chịu án phí là 20.000.000 đồng.

H1 lại cho ông Võ Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.900.000 đồng theo biên lai thu số 0002608 ngày 08/8/2025 và 0003756 ngày 03/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91, các Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật số 85/2025/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án;

Áp dụng Điều 116, Điều 124, Điều 166, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm;

Áp dụng Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng L về:

- Vô hiệu hợp đồng ủy quyền ngày 25/12/2023 giữa bên ủy quyền Võ Hồng L, Nguyễn Thị H với bên được ủy quyền Lê Thị Bích T1 được Văn phòng C;

- Buộc bà Lê Thị Bích T1 liên đới trả Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Ngọc T.

Buộc bà Nguyễn Ngọc T trả cho ông Võ Hồng L số tiền là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hồng L buộc ông Nguyễn Minh N, bà Nguyễn Ngọc T trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 429235, cấp ngày 31/7/2013, thửa đất số 17, tờ bản đồ 34, ấp T, xã C, tỉnh Tây Ninh do ông Võ Hồng L đứng tên chủ sử dụng đất

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Ngọc T chịu án phí là 20.000.000 đồng.

H1 lại cho ông Võ Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.900.000 đồng theo biên lai thu số 0002608 ngày 08/8/2025 và 0003756 ngày 03/9/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5. Án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân